

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 21 – 10 – 2025.

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng.
2. Ông Nguyễn Văn Chìu.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng.

Đại diện viện kiểm sát nhân Khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Loan, kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/3/1978; ĐKKHKT và hiện trú tại: thôn C, xã L, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số 030178004342.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 23/8/1978; ĐKKHKT và hiện trú tại: thôn C, xã L, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số 030078016838. (Đã có quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự số 02/2025/QĐST - DS ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hải Phòng).

Người giám hộ đồng thời là người đại diện theo pháp luật của ông Nguyễn Quốc H1 là chị Nguyễn Phương T, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số 030302003726.

(Đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quốc H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/1998 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống riêng tại thôn C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H1 thường uống rượu, dùng những lời lẽ xúc phạm bà. Năm 2012, trên đường đi làm về nhà, ông H1 bị tai nạn giao thông, bị thương nặng, gia đình phải đưa đi chữa trị ở nhiều nơi. Qua nhiều lần phẫu thuật, sức khỏe của ông H1 không thể phục hồi và hiện tại ông H1 không thể nói chuyện, giao tiếp với người khác, không đi lại được, mọi nhu cầu sinh hoạt hàng ngày đều phải có người phục vụ. Do tình hình bệnh tật của ông H1 nghiêm trọng nên năm 2014, bà bán đất, nhà để lo điều trị cho ông H1. Bà và các con chuyển về chung sống với mẹ chồng để thuận tiện chăm sóc cho ông H1. Năm 2019, do phát sinh mâu thuẫn cùng gia đình chồng nên bà và các con ra sống tại nhà riêng. Từ thời gian này, bà và ông H1 không còn chung sống với nhau. Đầu năm 2025, bà có đơn yêu cầu ly hôn với ông H1 nên gia đình bên chồng đưa ông H1 qua nhà bà để bà chăm sóc ông H1 cho đến nay. Nhận thấy sức khỏe và tinh thần của ông H1 không thể phục hồi, ông H1 không thể tự sinh hoạt và đi lại, không thể giao tiếp nên bà H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Quốc H1 là người mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Ngày 09/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng ban hành Quyết định số 02/2025/QĐST – DS giải quyết việc dân sự và tuyên bố ông Nguyễn Quốc H1 là người mất năng lực hành vi dân sự, cử người giám hộ cho ông H1 theo quy định của pháp luật. Nay bà H xác định cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, bà không còn tình cảm với ông H1 nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1 để bà tạo dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Bà H và ông H1 có hai con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 27/5/2002 và Nguyễn Quốc P, sinh ngày 21/7/2005. Cả hai con chung đều đã trưởng thành. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người giám hộ của ông Nguyễn Quốc H1 là chị Nguyễn Phương T trình bày: Ông Nguyễn Quốc H1 là người mất năng lực hành vi dân sự, chị T là người giám hộ của ông H1 theo Quyết định số 02/2025/QĐST – DS ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng. Chị T là con ruột của ông H1 và bà H. Về quan hệ hôn nhân và về con chung, chị T thống nhất lời trình bày của bà H và xác định mâu thuẫn giữa ông H1 và bà H đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ly hôn với ông H1. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của bà H.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, bà H và chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H1. Bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Quốc H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/1998 nên hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, năm 2012, ông H1 bị tai nạn, bị thương nặng, không thể phục hồi về tâm trí cũng như về thể trạng mặc dù gia đình đã cố gắng chữa trị, chăm sóc. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019. Cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1. Ngày 09/9/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng ban hành Quyết định số 02/2025/QĐST- DS tuyên bố ông Nguyễn Quốc H1 là người mất năng lực hành vi dân sự, chỉ định chị Nguyễn Phương T, con gái của ông H1 là người giám hộ cho ông H1 theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, người giám hộ của ông H1 trình bày ý kiến và xác định ông H1 bị tai nạn từ năm 2012, không thể chăm sóc vợ con, chăm lo cho gia đình, không thể giao tiếp và cũng thể tự mình chăm sóc và sinh hoạt cá nhân được. Bà H và ông H1 đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Đồng thời chị T cũng có ý kiến đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H1. Như vậy, cả bà H và người giám hộ của ông H1 đều thống nhất xác định đời sống hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông H1.

[3] Về con chung: Bà H và người giám hộ của ông H1 thống nhất xác định quá trình chung sống bà H và ông H1 có hai con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 27/5/2002 và Nguyễn Quốc P, sinh ngày 21/7/2005. Cả hai con chung đều đã trưởng thành. Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết

nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềán phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Xử bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H1.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai số 0002232 ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11 – Hải Phòng).

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 – Hải Phòng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - TP Hải Phòng;
- UBND xã Lạc Phượng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như